

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TUY PHONG  
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2021/DS-ST

Ngày: 19 - 7 - 2021

V/v: Tranh chấp đòi lại tài sản

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY PHONG, TỈNH BÌNH THUẬN**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Đồng Vũ.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Lê Hưng Quang.
2. Bà Trần Thị Ngọc Linh.

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Văn Hồng Lễ, Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa:*** Ông Lâm Đa Cha, Kiểm sát viên.

Ngày 19/7/2021, tại Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 354/2020/TLST-DS ngày 20 tháng 11 năm 2020 về việc “Tranh chấp đòi lại tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2021/QĐXXST-DS ngày 20/5/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2021/QĐST-DS ngày 07/6/2021 của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong, giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Tiến T, sinh năm 1982. (Có mặt)

Địa chỉ: Xóm 2, thôn 2, xã P, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận.

*2. Bị đơn:* Ông Lê M, sinh năm 1974. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Khu phố 6, thị trấn L, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận.

*3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Đoàn Thị Thanh N, sinh năm 1978. (Vợ ông M) (Vắng mặt)

Địa chỉ: khu phố 6, thị trấn L, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Theo đơn khởi kiện, biên bản lấy lời khai của đương sự, nguyên đơn Nguyễn Tiến T trình bày:* Do có nhu cầu xây dựng nhà ở nên ngày 17/9/2013 ông T có gặp ông Lê M (tên thường gọi là Kỷ) là chủ cơ sở mộc Kỹ tại khu phố 6, thị trấn L, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận để thuê ông M làm các bộ cửa và giá võng cho nhà ông. Sau khi ông T và ông M thống nhất thỏa thuận, ông M đã viết “giấy Hợp

đồng cửa” đề ngày 17/9/2013 (nhưng ký tên là Kỷ), nội dung giấy là ông M đóng cho ông T: 01 bộ cửa cái; 02 bộ cửa sổ, 01 bộ cửa L, 01 bộ cửa sau, 01 bộ cửa phòng, 01 cái giá võng; với giá tiền là 59.500.000 đồng (năm mươi chín triệu năm trăm nghìn đồng), ông M nhận trước 27.500.000 đồng (hai mươi bảy triệu năm trăm nghìn đồng), cửa cây cắm xe đánh bóng; hai bên có thỏa thuận miệng về thời gian đóng toàn bộ cửa và giá võng trên là 06 tháng kể từ ngày viết giấy (17/9/2013). Thấy quá thời gian thỏa thuận nhưng ông M không giao các bộ cửa và giá võng như đã thỏa thuận, ông T nhiều lần đến cơ sở mộc Kỷ của ông M nhắc thì ông M chỉ hứa hẹn mà không giao cửa và giá võng như đã thỏa thuận. Đến nay đã hơn 07 năm nhưng ông M vẫn không thực hiện hợp đồng hay trả lại tiền cho ông T. Ông Lê M có vợ là bà Đoàn Thị Thanh N, sinh năm 1978, địa chỉ: khu phố 6, thị trấn L, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận. Ông T yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong buộc ông Lê M và bà Đoàn Thị Thanh N phải có trách nhiệm liên đới trả cho ông T số tiền đã nhận là 27.500.000 đồng (hai mươi bảy triệu năm trăm nghìn đồng), không yêu cầu tính lãi từ ngày ông Lê M nhận tiền đến nay.

Tại phiên tòa, nguyên đơn Nguyễn Tiến T thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu ông Lê M trả tiền, không yêu cầu bà Đoàn Thị Thanh N phải liên đới trả cùng.

*Bị đơn Lê M và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Đoàn Thị Thanh N:* Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập, cũng như tổng đạt hợp lệ nhiều lần các văn bản tố tụng, nhưng ông M, bà N không chấp hành và cũng không có văn bản trình bày ý kiến nộp Tòa án. Tại phiên tòa, ông M, bà N vẫn vắng mặt không có lý do.

Ngày 25/11/2020, Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong đã tiến hành xác minh tại khu phố 6, thị trấn L, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận, kết quả như sau: Vợ chồng ông Lê M, bà Đoàn Thị Thanh N có hộ khẩu thường trú tại khu phố 6, thị trấn L, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận. Ông M, bà N ở tại Cơ sở mộc Kỷ tại khu phố 6, thị trấn L, huyện Tuy Phong, tuy nhiên cơ sở mộc này thường xuyên đóng cửa. Ông M có tên thường gọi là Kỷ, khi xưng hô hay làm giấy tờ với người khác thì ông M dùng tên Kỷ.

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, Tòa án đã nhiều lần tổ chức phiên hòa giải nhưng bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có mặt. Do đó vụ án không hòa giải được.

Ngày 28/5/2021, Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong đã tiến hành thu thập các tài liệu, chứng cứ có chữ viết của ông Lê M có tại hồ sơ Hôn nhân và gia đình thụ lý số 33/2021/TLST-HNGĐ ngày 03/3/2021 của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong về việc ly hôn giữa nguyên đơn Đoàn Thị Thanh N và bị đơn Lê M, cùng địa chỉ khu phố 6, thị trấn L, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận, vụ án đã được giải quyết theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 52/2021/QĐST-HNGĐ ngày 22/3/2021 công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông M và bà N. Tài sản chung và nợ chung: Không có.

Ông Nguyễn Tiến T từ chối giám định chữ ký, chữ viết của ông Lê M do hoàn cảnh kinh tế khó khăn, ông sẽ đồng ý giám định khi bị đơn cho rằng chữ viết trên “giấy Hộp đồng cửa” không phải do bị đơn viết ra.

*Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong:*

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký trong quá trình giải quyết vụ án đúng quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm c khoản 1 Điều 688, Điều 542, Điều 166 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Lê M phải trả cho ông Nguyễn Tiến T số tiền 27.500.000 đồng (hai mươi bảy triệu năm trăm nghìn đồng). Ông Lê M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa cũng như căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông Nguyễn Tiến T khởi kiện yêu cầu ông Lê M phải hoàn trả tiền do đó Tòa án thấy rằng đây là “Tranh chấp đòi lại tài sản” theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại khu phố 6, thị trấn L, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong.

Về điều luật áp dụng: Xét thấy giao dịch dân sự được ký kết vào ngày 17/9/2013 đến nay vẫn chưa được thực hiện, giao dịch này có nội dung và hình thức phù hợp với quy định Bộ luật dân sự 2015, căn cứ điểm c khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử áp dụng quy định của Bộ luật dân sự 2015 để giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa, ông Lê M, bà Đoàn Thị Thanh N đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn cố tình vắng mặt, việc vắng mặt này được coi như từ bỏ quyền, lợi ích hợp pháp của mình nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Lê M, bà Đoàn Thị Thanh N là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Tại phiên tòa, ông Nguyễn Tiến T thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu ông Lê M trả tiền, không yêu cầu bà Đoàn Thị Thanh N phải liên đới trả cùng. Đây là sự tự nguyện của ông T nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Căn cứ khoản 4 Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử loại bỏ tư cách tham gia tố tụng của bà Đoàn Thị Thanh N là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

[2] Về nội dung: Theo “giấy Hợp đồng cửa” đề ngày 17/9/2013, ông Lê M đã nhận trước 27.500.000 đồng (hai mươi bảy triệu năm trăm nghìn đồng) để làm các bộ cửa và giá võng theo sự thỏa thuận giữa ông M và ông T, thỏa thuận này đến nay vẫn chưa được thực hiện. Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong nhiều lần trực tiếp tổng đạt văn bản tố tụng cho bị đơn nhưng không thực hiện được, do đó đã thực hiện thủ tục niêm yết công khai theo quy định tại Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong đã tiến hành niêm yết bản photo “giấy Hợp đồng cửa” trên theo quy định pháp luật nhưng ông M không có ý kiến phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu do nguyên đơn đưa ra, do đó căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh. Do đó Hội đồng xét xử xác định việc ông Lê M có nhận 27.500.000 đồng (hai mươi bảy triệu năm trăm nghìn đồng) của ông Nguyễn Tiến T để làm các bộ cửa và giá võng nhưng đến nay không thực hiện là có thật. Căn cứ Điều 542, Điều 165, Điều 166 Bộ luật dân sự năm 2015, ông Lê M chiếm hữu không có căn cứ pháp luật số tiền 27.500.000 đồng (hai mươi bảy triệu năm trăm nghìn đồng) nên phải trả lại cho ông Nguyễn Tiến T số tiền này.

Lãi suất: Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[3] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong tại phiên tòa là có căn cứ và phù hợp nên chấp nhận.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì ông Lê M phải chịu 1.375.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH**

### **Căn cứ vào:**

- Khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Điểm c khoản 1 Điều 688, Điều 542, Điều 165, Điều 166 Bộ luật dân sự 2015.

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

### **Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Tiến T. Buộc ông Lê M phải trả cho ông Nguyễn Tiến T số tiền 27.500.000 đồng (hai mươi bảy triệu năm trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Ông Lê M phải chịu 1.375.000 đồng (một triệu ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Nguyễn Tiến T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho ông Nguyễn Tiến T số tiền 680.000 đồng (sáu trăm tám mươi nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền số 0009179 ngày 20/11/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tuy Phong.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- VKSND huyện Tuy Phong;
- Chi cục THADS huyện Tuy Phong;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Đồng Vũ**